

Bản án số: 201/2023/HSST

Ngày: 29/8/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Văn Lương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mùa A Phênh;
2. Ông Giàng A Khá.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Đoản – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Đ B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Hoàng Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 204/2023/TLST-HS ngày 03/8/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2023/QĐXXST-HS ngày 17/8/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lương Thị D, tên gọi khác: Không, sinh năm 1989, tại Điện Biên.

Nơi cư trú: Đội 17, xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn Inh, sinh năm 1946 và bà: Quàng Thị Inh, sinh năm 1960; chồng: Lò Văn Mạnh, sinh năm 1989 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có án tích, không bị xử lý hành chính; bị cáo Lương Thị Dương bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/4/2023 cho đến nay.

- Bị hại: 1. Chị Cà Thị D, sinh năm 1983."Có mặt".

2. Anh Quàng Văn Ơ, sinh năm 1982. "vắng mặt".

Người đại diện theo ủy quyền của anh Quàng Văn Ơ: Chị Cà Thị D, sinh năm 1983."Có mặt".

Đều trú tại: Bản C X, xã S M, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lương Văn A, sinh năm 1987;"vắng mặt".

Nơi thường trú: Bản Hồng Sặt, xã S M, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 09/02/2023, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27F7 - 5330 của anh Lương Văn A từ nhà bị cáo ở đội 17, xã T X, huyện Đ B đến Bản C X, xã S M, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên để dậm lúa, nhưng bị cáo không dậm lúa mà đi quanh khu vực để xem gia đình nào có sơ hở thì sẽ trộm cắp tài sản. Sau khi quan sát thấy gia đình chị Cà Thị D không có ai ở nhà, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo để xe ở bờ ruộng rồi đi lên sân nhà chị Dung thấy cửa nhà khóa, bị cáo nhìn thấy chùm chìa khóa nhà chị Dung treo ở vách nhà, bị cáo lấy mở cửa đi vào buồng ngủ thứ ba rồi lật đệm cuối giường lên để lấy toàn bộ số tiền Việt Nam đồng với các loại mệnh giá khác nhau, cho vào túi áo khoác bên phải đang mặc, sau đó mở tủ ở đầu giường lấy toàn bộ số tiền Việt Nam đồng cùng 01 bộ xà tích bằng bạc cho vào túi áo khoác bên phải. Bị cáo tiếp tục mở tủ gỗ ở cạnh giường lấy 01 dây chuyền bằng vàng, 01 trâm cài tóc gắn bông hoa bằng vàng và lấy ở đầu giường 01 vòng tay bằng bạc cho tất cả vào túi áo khoác bên phải đang mặc. Sau đó bị cáo đi ra khóa cửa nhà lại như cũ, rồi lấy xe mô tô đi về nhà. Bị cáo bỏ toàn bộ số tiền đã lấy trộm ra đếm được 18.250.000 đồng rồi cất tiền ở dưới đầu giường ngủ; xà tích, dây chuyền vàng, vòng bạc, trâm cài tóc bị cáo cất ở trên gác xép nhà bếp.

Ngày 15/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ B đã trả lại cho chị Dung toàn bộ số tài sản trên cùng 18.250.000 đồng, theo Quyết định xử lý vật chứng số 11/QĐ - CSĐT ngày 14/4/2023.

Ngày 22/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ B đã trả lại cho anh Lương Văn A 01 Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27F7 – 5330 kèm chìa khóa và đăng ký xe, theo Quyết định xử lý vật chứng số 17/QĐ - CSĐT ngày 21/6/2023.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-ĐGTS ngày 20/3/2023 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện Điện Biên kết luận: 01 trâm cài tóc trị giá 8.500.000 đồng, 01 bộ xà tích trị giá 7.300.000 đồng, 01 dây chuyền trị giá 27.600.000 đồng, 01 vòng tay trị giá 400.000 đồng. Tổng giá trị: 43.800.000 đồng (Bốn mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng). Và số tiền mặt là 18.250.000đ (Mười tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản do bị cáo chiếm đoạt là 62.050.000 đồng (Sáu mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 146/CT-VKSHĐB ngày 03/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lương Thị D về tội “ Trộm cắp tài sản” theo Điểm c Khoản 2 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa đại diện VKS nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng Điểm c

Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51/BLHS; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 5 Điều 65/BLHS; Điều 92 Luật thi hành án Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lương Thị D từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 60 tháng, kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo. Giao bị cáo cho UBND xã T X, huyện Đ B quản lý và giáo dục. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Lương Thị D theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 125/BLTTHS.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, hoàn toàn nhất trí với bản Luận tội của Kiểm sát viên.

Bị hại có ý kiến là mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là hơi nhẹ.

Bị hại cho rằng số tiền bị mất vẫn còn thiếu 13.050.000 đồng và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền còn thiếu.

Ý kiến bị cáo: Tôi không được lấy trộm số tiền 13.050.000 đồng của bị hại, tôi chỉ được lấy trộm số tiền 18.250.000 đồng và tôi đã tự nguyện giao nộp toàn bộ toàn bộ tài sản trộm cắp được cho Cơ quan điều tra ngay ngày hôm sau và toàn bộ số tài sản này đã được trả lại đầy đủ cho bị hại rồi. Mặc dù tôi không được lấy trộm số tiền 13.050.000 đồng của bị hại, nhưng tôi sẽ tự nguyện hỗ trợ cho bị hại một nửa số tiền bị hại yêu cầu là 6.525.000đ, nhưng với điều kiện là bị hại phải xin giảm nhẹ hình phạt cho tôi.

Ý kiến bị hại: Nếu bị cáo hỗ trợ cho tôi toàn bộ số tiền 13.050.000 đồng thì tôi mới xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến bị cáo: Hoàn cảnh của tôi rất khó khăn, nhưng nếu bị hại cứ khẳng khái đòi như thế thì tôi cũng đồng ý hỗ trợ cho bị hại toàn bộ số tiền 13.050.000 đồng với điều kiện là tôi phải được hưởng án treo để ở nhà kiếm tiền để trả cho bị hại.

Ý kiến bị hại: Tôi đồng ý, nhưng với điều kiện phải hỗ trợ cho tôi toàn bộ số tiền 13.050.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Tôi biết hành vi của tôi là vi phạm pháp luật, tôi xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình của tôi rất khó khăn, tôi còn có hai con còn nhỏ, tôi mong xin giảm nhẹ hình phạt và xin cải tạo ở ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo: Khoảng 07 giờ ngày 09/02/2023, Lương Thị D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27F7 - 5330 từ nhà ở đội 17, xã T X, huyện Đ B đến Bản C X, xã S M, huyện Đ B để dậm lúa, nhưng bị cáo không dậm lúa mà đi quanh khu vực để xem gia đình nào có sơ hở thì sẽ trộm cắp tài sản. Bị cáo lợi dụng sơ hở của gia đình chỉ

Dung không có ai ở nhà nên bị cáo đã vào nhà lấy trộm 04 đồ trang sức và 18.250.000 đồng tiền của chị Dung. Tổng giá trị tài sản do bị cáo trộm cắp là 62.050.000 đồng.

Hành vi của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, lời khai bị hại, kết luận định giá tài sản, kết luận điều tra, các bản cung, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố. Với hành vi và giá trị tài sản do bị cáo trộm cắp thì bị cáo đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 173/BLHS. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[2]. Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội: Xét thấy hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, song bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Tội phạm mà bị cáo vi phạm là nghiêm trọng, nên cần phải xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo HÐXX thấy rằng: Bị cáo Lương Thị D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bố chồng của bị cáo là ông Lò Văn Dom được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba, nên HÐXX sẽ xem xét để bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51/BLHS.

Sau khi xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì HÐXX xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thực sự biết ăn năn hối cải, toàn bộ tài sản trộm cắp đã được trả lại cho bị hại, chồng bị cáo đi làm xa, bị cáo hiện đang nuôi hai con, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Để thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội và tạo điều kiện cho bị cáo làm lại cuộc đời, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục cũng đủ để bị cáo trở thành người tốt.

Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, cần chấp nhận.

[4]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Đ B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là phạt tù thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 173/BLHS là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Nhưng xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó

khẩn, không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại chị Cà Thị D toàn bộ số tiền và tài sản do bị cáo đã trộm cắp. Chị Dung cho rằng số tiền bị can đã lấy trộm của chị là 31.300.000 đồng, chứ không phải 18.250.000 đồng và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị 13.050.000 đồng. Qua điều tra không có chứng cứ chứng minh đối với số tiền 13.050.000 đồng.

Nhưng tại phiên tòa, trong phần tranh luận bị cáo đã tự nguyện hỗ trợ cho bị hại số tiền 13.050.000 đồng cho bị hại và bị đã đồng ý và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Vật chứng của vụ án: Đối với số tiền 18.250.000 đồng; 01 trâm cài tóc gắn bông hoa bằng vàng; 01 bộ xà tích bằng bạc; 01 dây chuyền vàng; 01 vòng tay bằng bạc đã trả lại toàn bộ cho bị hại Cà Thị D, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27F7 – 5330, kèm đăng ký xe mang tên Lường Văn A, là xe bị cáo mượn của anh Lường Văn A, việc bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội anh Ánh không biết, nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cùng đăng ký xe cho chủ sở hữu theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 106/BLTTHS, Hội đồng xét xử chấp nhận và không đề cập xử lý đối với anh Ánh.

[8]. Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51/BLHS; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 5 Điều 65/BLHS; Nghị quyết số: 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lường Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Lường Thị D 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/8/2023). Giao bị cáo cho UBND xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Lường Thị D theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 125/BLTTHS.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Trách nhiệm dân sự:

- Cơ quan điều tra đã trả lại chị Cà Thị D toàn bộ số tiền và tài sản do bị cáo đã trộm cắp. Chị Dung cho rằng số tiền bị can đã lấy trộm của chị là 31.300.000 đồng, chứ không phải 18.250.000 đồng và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị 13.050.000 đồng. Qua điều tra không có chứng cứ chứng minh đối với số tiền 13.050.000 đồng.

- Chấp nhận biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu của CQCSĐT Công an huyện Đ B.

- Chấp nhận việc bị cáo tự nguyện hỗ trợ số tiền 13.050.000 đồng cho bị hại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự - người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về vật chứng: Hội đồng xét xử chấp nhận các biên bản trả lại vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ B.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333/BLTTHS; Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần trực tiếp có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND H. Điện Biên;
- Công an H. Điện Biên;
- Phòng HSNV CA T.Điện Biên;
- Sở Tư pháp T.Điện Biên;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQL,NVLQ;
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Mùa A Phềnh

Lường Văn Lương

Giàng A Khá

